

# CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH KINH TẾ TỈNH QUẢNG NAM

## RESTRUCTURING ECONOMIC SECTOR OF QUANG NAM

Nguyễn Hồng Quang

UBND tỉnh Quảng Nam; hongquangub76@gmail.com, binhbq@due.edu.vn

**Tóm tắt** - Chuyển dịch cơ cấu (CDCC) ngành kinh tế là một chủ đề rất được quan tâm bởi nhiều nhà nghiên cứu, các nhà hoạch định chính sách. CDCC ngành kinh tế phản ánh tình hình phân bổ nguồn lực của nền kinh tế, quyết định năng lực và sản lượng của nền kinh tế. Bài báo tập trung vào khái quát lý luận về chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, đánh giá quá trình dịch chuyển cơ cấu ngành kinh tế của tỉnh Quảng Nam dựa trên xu thế thay đổi của cơ cấu ngành kinh tế và rút ra những hàm ý chính sách nhằm thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế tỉnh Quảng Nam. Nghiên cứu này sử dụng số liệu thống kê của Cục Thống kê của tỉnh Quảng Nam và phương pháp phân tích thống kê mô tả để đạt được mục tiêu đặt ra.

**Từ khóa** - chuyển dịch cơ cấu; chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế; ngành công nghiệp; ngành nông – lâm – thủy sản; ngành dịch vụ.

**Abstract** - Restructuring economic sector is a subject of much interest by many researchers and policy makers. Economic sectors reflect the allocation of economic resources, decisions and production capacity of the economy. The article focuses on theoretical overview of the restructuring of economic activities, and evaluation of the structural shift of the economy based on the trend of change of Quang Nam economic structure. The article also draws out the policy implications to promote the process of restructuring the economic branches in Quang Nam province. This study uses statistics of the Statistical Office of Quang Nam and the statistics, analysis and description methods to achieve the set objectives.

**Key words** - restructuring; restructuring economic sectors; industry; agro - forestry-fisheries; service industry.

### 1. Đặt vấn đề

Chuyển dịch cơ cấu (CDCC) ngành kinh tế là một chủ đề rất được quan tâm bởi nhiều nhà nghiên cứu, các nhà hoạch định chính sách. CDCC ngành kinh tế phản ánh tình hình phân bổ nguồn lực của nền kinh tế, quyết định năng lực và sản lượng của nền kinh tế. Chính vì vậy trong lý thuyết kinh tế CDCC ngành kinh tế là một tiêu chí trong đánh giá sự phát triển của nền kinh tế. Có nhiều nghiên cứu ở Việt Nam và thế giới về chủ đề này. Các nghiên cứu tập trung làm rõ xu thế chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của thế giới và Việt Nam và chỉ ra chiều hướng thay đổi trong dài hạn của cơ cấu ngành kinh tế trong dài hạn. Tuy nhiên các nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào nền kinh tế quốc gia hay vùng lãnh thổ lớn, cho dù có một số nghiên cứu với đối tượng là nền kinh tế tỉnh nhưng cũng nhằm mục tiêu đánh giá CDCC ngành kinh tế chung nền kinh tế quốc gia.

Nền kinh tế Quảng Nam những năm sau chia tách, quy mô GDP của tỉnh đã mở rộng không ngừng, tốc độ tăng trưởng nhanh và liên tục; Cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch tích cực. Các ngành công nghiệp và dịch vụ đã phát triển rất nhanh thúc đẩy thay đổi cơ cấu kinh tế và tăng trưởng kinh tế nhanh. Tuy nhiên quá trình chuyển dịch cơ cấu theo ngành kinh tế vẫn diễn ra chậm, chất lượng chuyển dịch cơ cấu theo lao động chậm hơn chuyển dịch cơ cấu theo GDP và chưa thúc đẩy CDCC lao động, tăng năng suất lao động; Xu hướng chuyển dịch trong lĩnh vực dịch vụ không rõ ràng. Chính vì vậy rất cần thiết phải có một nghiên cứu về Xu thế chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của tỉnh Quảng Nam nhằm đánh giá chính xác quá trình này và kiến nghị các hàm ý chính sách cho các nhà quản lý và hoạch định chính sách địa phương. Đó là lý do để thực hiện của bài báo này

### 2. Cơ sở lý luận về chuyển dịch cơ cấu (CDCC) ngành kinh tế

#### 2.1. Trước hết hãy xem xét một số nghiên cứu có liên quan tới chủ đề này

Các nghiên cứu của thế giới có nhiều và nghiên cứu ở

nhiều nền kinh tế. Bàn về chuyển dịch cơ cấu ngành phải bắt đầu từ Quy luật tiêu dùng mang tên nhà Thống kê người Đức E. Engel (1821-1896). Quy luật này phản ánh mối quan hệ giữa thu nhập và phân phối thu nhập cho các nhu cầu tiêu dùng cá nhân. Một khi quy luật tiêu dùng của A.Engel kết hợp với Quy luật tăng năng suất lao động của A. Fisher (1935) sẽ chỉ rõ xu thế chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế. Lewis, A. W. (1954) trong tác phẩm "Lý thuyết về phát triển kinh tế" đã giải thích về mối quan hệ giữa nông nghiệp và công nghiệp trong quá trình tăng trưởng, gọi là "Mô hình hai khu vực cổ điển. Theo lý thuyết này chỉ ra rằng quá trình phát triển yêu cầu chuyển dịch lao động từ nông nghiệp có năng suất thấp sang các ngành hiện đại có năng suất cao hơn là công nghiệp và dịch vụ. Mô hình thay đổi cơ cấu của Hollis Chenery (1974) được đề xuất trên cơ sở nghiên cứu về sự phát triển của nhiều quốc gia từ 1953 - 1973. Kết luận rút ra từ nghiên cứu của ông là tỷ trọng của ngành nông nghiệp trong GDP có xu hướng giảm dần, trong khi tỷ trọng công nghiệp trong GDP có xu hướng tăng dần ứng với GDP/ng tăng dần.

Các nghiên cứu của Việt Nam có nhiều trong các bối cảnh khác nhau. Nghiên cứu của Lê Du Phong và Nguyễn Thành Độ (1999) đã đề cập các luận cứ khoa học của CDCCKT theo hướng hội nhập trong điều kiện hội nhập với khu vực và thế giới. Nghiên cứu của Bùi Tất Thắng (2006) đã tổng hợp, phân tích quá trình thay đổi tư duy về CNH và CDCCKT ở Việt Nam. Nghiên cứu này rất có ý nghĩa cho nghiên cứu chủ đề này của địa phương nhưng cũng cần chú ý tới những thay đổi của bối cảnh hiện nay và tương lai những năm tới cũng như bối cảnh của địa bàn nghiên cứu về chủ đề này. Lê Xuân Bá và các tác giả (2006) đã tập trung phân tích chuyển dịch lao động giữa các ngành công nghiệp – nông nghiệp – dịch vụ, giữa hình thức tự tạo việc làm và làm thuê; đồng thời sử dụng mô hình kinh tế lượng để phân tích chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn ở Việt Nam giai đoạn 1996 – 2005 và đề xuất các chính sách thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn Việt Nam theo hướng tích cực. Bùi Quang Bình (2010) đã chỉ

ra một số khiếm khuyết của mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam như dựa vào mở rộng quy mô qua thâm dụng vốn nhưng hiệu quả thấp - yếu tố Việt Nam thiếu phải đi vay; không thể khai thác tốt yếu tố tiềm năng lớn nhất của Việt Nam là lao động; chưa thúc đẩy sự phát triển của khu vực nông nghiệp. Nhìn chung các nghiên cứu trong nước đã tập trung vào cơ sở lý thuyết kinh tế để xây dựng luận cứ cho CDCC kinh tế Việt Nam, phân tích thực tế quá trình thay đổi cơ cấu kinh tế Việt Nam theo ngành và lãnh thổ để chỉ ra xu thế thay đổi đã diễn ra cùng với các vấn đề của nó. Các nghiên cứu cũng phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình này.

## 2.2. Cơ sở lý luận về xu thế chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

Cơ cấu kinh tế là tổng thể những mối quan hệ về số lượng và chất lượng giữa các bộ phận cấu thành của nền kinh tế trong một thời gian và trong những điều kiện kinh tế - xã hội nhất định. Mối quan hệ về số lượng giữa các bộ phận cấu thành có thể biểu hiện qua tỷ trọng của mỗi ngành trong GDP, trong tổng lao động hay tổng vốn của nền kinh tế tại một thời điểm nào đó. Như vậy có thể coi cơ cấu ngành kinh tế là tổng thể những mối quan hệ về số lượng và chất lượng giữa các ngành trong tổng thể kinh tế, thể hiện mối quan hệ hữu cơ và sự tác động qua lại cả về số và chất lượng giữa các ngành với nhau (Vũ Tuấn Anh (1982)). Cơ cấu ngành kinh tế luôn thay đổi theo thời gian phù hợp với các điều kiện kinh tế xã hội nhất định. Do vậy, chuyển dịch cơ cấu là sự thay đổi của cơ cấu kinh tế theo thời gian từ trạng thái và trình độ này tới một trạng thái và trình độ khác phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội và các điều kiện vốn có nhưng không lặp lại trạng thái cũ (Bùi Quang Bình (2010)). Chính điều này mà cơ cấu kinh tế phản ánh sự thay đổi về chất và là cơ sở để so sánh các giai đoạn phát triển. Cơ cấu kinh tế chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố như điều kiện tự nhiên, nguồn nhân lực (Lê Khoa 2003), vốn, công nghệ, thị trường, và chính sách.

## 3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng chủ yếu sẽ là (1) Phương pháp diễn dịch trong suy luận; (2) Phương pháp quy nạp trong suy luận; (3). Phương pháp phân tích thống kê mô tả bao gồm Phương pháp phương pháp đồ thị và bảng thống kê để tổng hợp. Các phương pháp này đã được một số nhà nghiên cứu đã sử dụng như Nguyễn Văn Nam và Trần Thọ Đạt (2006), của Nguyễn Kế Tuấn và nhóm tác giả (2011) và (Bùi Quang Bình (2010)).

Về số liệu của nghiên cứu: Các số liệu được tổng hợp từ Niên giám thống kê của Tỉnh Quảng Nam các năm như 2005, 2010 và 2015. Khoảng thời gian của số liệu sẽ từ năm 2000 tới năm 2014. Lý do chính là tuy chia tách tỉnh từ năm 1997, nhưng hoạt động của nền kinh tế này chỉ thực sự rõ ràng từ 2000.

## 4. Kết quả nghiên cứu

### 4.1. Đặc điểm về địa bàn nghiên cứu

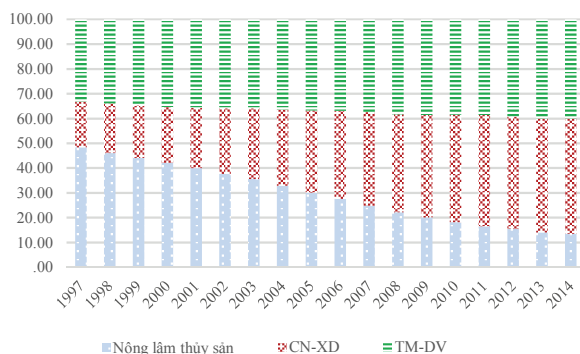
Quảng Nam là một tỉnh ven biển thuộc vùng phát triển kinh tế trọng điểm của miền Trung. Tổng diện tích tự nhiên của Quảng Nam là 1.040.683 ha. Dân số của tỉnh năm 2014 là gần 1.5 triệu người, mật độ dân số là 140 người/ km<sup>2</sup>.

GDP của tỉnh Quảng Nam và hơn 13786 tỷ năm 2014 theo giá 1994. Tỷ lệ tăng trưởng trung bình là 10.6% trong thời kỳ 1997-2014, cao hơn mức tăng trưởng của cả nước là khoảng 7%. Cơ cấu kinh tế hiện này là công nghiệp - dịch vụ và nông nghiệp.

### 4.2. Xu thế chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế cấp I

Xu thế tăng trưởng kinh tế của các ngành sẽ quyết định sự thay đổi tỷ trọng giá trị gia tăng của các ngành kinh tế trong GDP hay quyết định tới chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế.

Trong hơn 15 năm qua, cơ cấu theo ba ngành chính này đã có sự thay đổi rõ rệt và thể hiện xu hướng tích cực. Dù quy mô của ngành Nông lâm thủy sản vẫn tăng nhưng tỷ trọng giá trị gia tăng của ngành này trong GDP tỉnh vẫn giảm liên tục. Trong khi tỷ trọng của Công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ tăng lên giá trị gia tăng của ngành này trong GDP tỉnh. Lý do chính là ngành Nông lâm thủy sản này đã tăng trưởng chậm hơn so với hai ngành còn lại như đã trình bày ở trên hình 1.



Hình 1. Cơ cấu giá trị gia tăng của các ngành cấp I trong GDP tỉnh Quảng Nam

(Nguồn: Tính toán từ Niên giám thống kê tỉnh Quảng Nam)

Tỷ trọng của ngành Nông lâm thủy sản giảm từ 42% năm 2000 xuống 13.5% năm 2014 hay giảm 28.5%. Trong 15 năm, tỷ trọng ngành này giảm chậm dần, mức cao nhất là -11.9 % trong giai đoạn 2000-2005 và thấp nhất là -2.9% trong giai đoạn 2011-2014.

Trong gian đoạn 2000-2014, tỷ trọng của ngành CN-XD đã tăng nhanh, từ mức 22.6% năm 2000 lên mức 46.4% năm 2014, hay tăng lên 23.8%. Trong gian đoạn 2000-2005 có mức tăng nhanh nhất và chậm nhất là 2011-2014. Cũng trong giai đoạn này, tỷ trọng của ngành thương mại - dịch vụ đã tăng từ 35.4% năm 2000 lên 40.1% năm 2014, tăng 4.7%. Mức thay đổi tỷ trọng này không nhiều so với mức tăng của ngành CN-XD.

Nếu xét theo trình độ chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế cấp I của tỉnh Quảng Nam bằng cách sử dụng hệ số Cosφ và góc chuyển dịch cơ cấu - φ theo cách đánh giá của chuyên gia Ngân hàng thế giới. Số liệu ở bảng 1. cho thấy trong 15 năm qua, cơ cấu ngành kinh tế cấp I đã thay đổi lớn, góc chuyển dịch cơ cấu - φ bằng 35.54<sup>o</sup>, bình quân thay đổi khoảng hơn 2 độ năm. Xu thế thay đổi trình độ CDCC ngành kinh tế cấp I này đang giảm dần, góc chuyển dịch cơ cấu - φ giảm dần từ mức 15.59 độ giai đoạn 2000-2005, 14.99 độ giai đoạn 2006-2010 và 7.41 độ giai đoạn 2011-2014.

Như vậy, cơ cấu ngành kinh tế cấp 1 của tỉnh Quảng Nam những năm qua đã có xu hướng chuyển dịch tích cực. Xu hướng này được thúc đẩy bởi sự tăng trưởng mạnh của ngành CN-XD và dịch vụ. Tuy nhiên, sự thay đổi đang chậm lại và sự suy giảm này khá nhanh. Nhưng đây chỉ mới xét trên khía cạnh sản lượng nên chưa thể đánh giá chính xác mà cần xem xét kỹ hơn trong mối quan hệ với nguồn lực.

**Bảng 1. Mức CDCC ngành kinh tế cấp I của tỉnh Quảng Nam**

	2000-2005	2006-2010	2011-2014	2000-2014
% chuyển dịch của NN	-11,9	-9,3	-2,9	-28,5
% chuyển dịch của CN-XD	10,5	7,8	1,5	23,8
% chuyển dịch của DV	1,4	1,5	1,4	4,7
Cosφ	0,963	0,966	0,991	0,813
Góc CDCC - φ (Độ)	15,59	14,99	7,41	35,54

(Nguồn: Tính toán từ Niên giám thống kê tỉnh Quảng Nam)

### 4.3. Xu thế chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế cấp II

*Xu thế CDCC nội bộ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản*

**Bảng 2. Mức CDCC trong nội bộ ngành nông lâm thủy sản của tỉnh Quảng Nam**

	2000-2005	2006-2010	2011-2014	2000-2014
% chuyển dịch của NN	-4,39	-0,83	-5,47	-8,75
% chuyển dịch của Lâm nghiệp	-0,01	-1,67	2,03	0,42
% chuyển dịch của thủy sản	4,40	2,50	3,45	8,33
Cosφ	0,9972	0,9996	0,9983	0,9865
Góc CDCC - φ (Độ)	4,29	1,69	3,33	9,42

(Nguồn: Tính toán từ Niên giám thống kê tỉnh Quảng Nam)

Số liệu thống kê cho thấy trong ngành nông nghiệp theo nghĩa rộng - ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản đã có những thay đổi tỷ trọng của các ngành. Trong ngành nông nghiệp theo nghĩa rộng của tỉnh Quảng Nam, ngành nông nghiệp theo nghĩa hẹp vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu, hiện là hơn 62%. Tỷ trọng của ngành này đã giảm từ hơn 72.3% năm 1997 xuống 62.9% năm 2014 từ giảm 8.8%. Ngành thủy sản ngày càng có vị trí quan trọng trong nền kinh tế. Tỷ trọng của thủy sản trong tổng giá trị gia tăng của ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng từ 20.8% năm 2000 lên 30.1% năm 2014 tức tăng 8.3%. Ngành lâm nghiệp có tỷ trọng thay đổi không nhiều, chỉ tăng 0,13% trong khoảng thời gian này.

Tỷ trọng của ngành nông nghiệp theo nghĩa hẹp giảm nhanh trong giai đoạn 2000-2005, sau đó chậm lại ở giai

đoạn 2006-2010 và nhanh trở lại trong giai đoạn 2011-2014. Xu thế thay đổi tỷ trọng của ngành thủy sản ngược lại, tăng nhanh giai đoạn đầu sau đó chậm lại và tăng nhanh ở giai đoạn sau. Tỷ trọng của ngành lâm nghiệp sau 10 năm giảm tăng trở lại trong giai đoạn cuối. Do tỷ trọng của 2 ngành nông nghiệp nghĩa hẹp và thủy sản rất lớn nên xu thế CDCC ngành kinh tế trong nội bộ ngành nông lâm thủy sản như xu thế thay đổi của 2 ngành này. Góc CDCC - φ thể hiện rõ xu thế này. Góc φ cao trong giai đoạn 2000-2005, sau đó giảm ở giai đoạn 2006-2010 và tăng nhanh trở lại trong giai đoạn 2011-2014. Tổng số góc CDCC này trong 15 năm qua là khoảng hơn 9 độ.

Nhìn chung Xu thế chuyển dịch CC ngành kinh nông lâm thủy sản đang theo chiều hướng tăng vai trò của ngành thủy sản và giảm dần vai trò của ngành nông nghiệp theo nghĩa hẹp. Ngành lâm nghiệp giữ nguyên vị trí. Tuy nhiên xu thế thay đổi khá chậm điều này cũng cho thấy cần có những thay đổi tích cực trong Định hướng phát triển các ngành này cũng như công nghiệp chế biến.

### *Xu thế CDCC nội bộ ngành công nghiệp*

Trong ngành công nghiệp của tỉnh, công nghiệp chế biến là ngành chủ yếu khi chiếm tỷ trọng lớn nhất, hiện vẫn chiếm 85%. Hai ngành còn lại chiếm tỷ trọng không lớn lắm chỉ khoảng dưới 10%. Tỷ trọng của ngành công nghiệp chế biến từ chỗ chiếm tuyệt đối đã giảm dần khi hai ngành công nghiệp còn lại có sự tăng trưởng nhanh. Tỷ trọng ngành này từ mức chiếm hơn 90% năm 2000 đã giảm còn 85% tức giảm hơn 5%. Tỷ trọng của ngành công nghiệp điện khí tăng hơn 8.5% trong giai đoạn này. Tỷ trọng của công nghiệp chế biến đã giảm gần 3%.

Những thay đổi này phản ánh sự dịch chuyển sản xuất công nghiệp những năm qua ở tỉnh Quảng Nam. Tập trung phát triển ngành sản xuất điện để khai thác các thế mạnh tự nhiên của tỉnh trong phát triển thủy điện. Công nghiệp khai thác đang được hạn chế phát triển.

**Bảng 3. Mức CDCC trong nội bộ ngành công nghiệp của tỉnh Quảng Nam**

	2000-2005	2006-2010	2011-2014	2000-2014
% CD của CN khai thác	-0,46	-0,50	-0,40	-2,78
% chuyển dịch của CN chế biến	-2,85	-1,83	-1,15	-5,75
% chuyển dịch của CN điện khí	3,31	2,33	1,55	8,53
Cosφ	0,9992	0,9990	0,9993	0,9943
Góc CDCC - φ (Độ)	2,17	2,50	2,04	6,10

(Nguồn: Tính toán từ Niên giám thống kê tỉnh Quảng Nam)

Xu thế CDCC ngành kinh tế trong nội bộ ngành công nghiệp thể hiện trên bảng 3. Tỷ trọng của ngành công nghiệp chế biến giảm nhanh trong giai đoạn 2000-2005, sau đó chậm lại ở giai đoạn 2006-2010 và nhanh trở lại trong giai đoạn 2011-2014. Xu thế thay đổi tỷ trọng của ngành công nghiệp chế biến giảm nhanh giai đoạn đầu sau đó chậm dần. Tỷ trọng của công nghiệp điện khí tăng liên tục trong cả ba

giai đoạn. Do tỷ trọng của ngành công nghiệp chế biến rất lớn nên xu thế CDCC ngành kinh tế trong nội bộ ngành công nghiệp sẽ phụ thuộc vào ngành này. Góc CDCC -  $\varphi$  thể hiện rõ xu thế này. Góc  $\varphi$  tăng đều khoảng trên 2 độ trong cả ba giai đoạn và tổng số 15 năm là hơn 6 độ.

Phân tích cụ thể hơn trong nội bộ ngành công nghiệp chế biến của tỉnh. Trong tổng số 17 ngành, chỉ có 3 ngành có tỷ trọng trên 10%, trên 5% là 3 ngành, còn lại chỉ chiếm một vài %. Nếu xem xét theo thời gian, trước năm 2010 thì nhóm ngành SX thực phẩm và thức uống, SX sản phẩm dệt, SX trang phục, SX SP bằng da, giả da, SX sp gỗ & lâm sản chiếm ưu thế (gần 59%). Từ 2010 tới 2014, nhóm ngành trên chỉ còn chiếm khoảng 37% và ngành sản xuất xe có động cơ, rơ moóc đã chiếm trên dưới 40%. Ngoài ra ngành SX các SP khoáng phi kim loại cũng có tỷ trọng trên dưới 10% từ sau 2010.

Nếu xem xét chất lượng chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp từ 2000 tới 2014, hệ số  $\cos\varphi = 0.4633$  và góc  $\varphi = 62.39$  nói lên rằng đã có sự chuyển dịch khá tốt trong 15 năm qua.

*Xu thế CDCC nội bộ ngành thương mại dịch vụ*

Trong ngành thương mại dịch vụ, ngành dịch vụ có vai trò lớn và ngày càng tăng. Tỷ trọng của ngành này từ hơn 52.6% năm 2000 đã tăng lên 73.1% năm 2014, tăng khoảng 20.5%. Ngược lại, vai trò của ngành thương mại giảm dần. Tỷ trọng của ngành này giảm 20.5% những năm qua và hiện chỉ chiếm 26.9%.

Xu thế CDCC ngành trong nội bộ ngành thương mại dịch vụ diễn ra khác với các ngành nông lâm thủy sản và công nghiệp. Tỷ trọng của ngành thương mại giảm nhanh dần trong các giai đoạn và theo chiều ngược lại ngành dịch vụ tăng dần lên. Góc chuyển dịch cơ cấu kinh tế cũng tăng dần trong 3 giai đoạn và đạt gần 22 độ trong 15 năm qua.

**Bảng 4.** *Mức CDCC trong nội bộ ngành thương mại dịch vụ của tỉnh Quảng Nam*

	2000-2005	2006-2010	2011-2014	2000-2014
% CD của thương mại	-3,5	-4,3	-7,2	-19,9
% chuyển dịch của DV	3,5	4,3	7,2	19,9
Cos $\varphi$	0,99759	0,9958	0,9639	0,928
Góc CDCC - $\varphi$ (Độ)	3,98	5,24	15,43	21.83

**Bảng 5.** *Cơ cấu theo ngành kinh tế theo doanh nghiệp tỉnh QN*

	2008	2010	2012	2014
Tổng DN	1749	2245	3000	3118
<b>Trong đó (%)</b>				
Ngành Nông lâm thủy sản	3,9	4,1	3,1	3,1
Ngành Công nghiệp xây dựng	42,4	40,9	42,5	42,2
Ngành Thương mại dịch vụ	53,7	55,0	54,4	54,7

(Nguồn: Tỉnh toán từ Niên giám thống kê tỉnh Quảng Nam)

Nhìn chung, CDCC ngành kinh tế trong nội bộ ngành thương mại dịch vụ của nền kinh tế này đang dịch chuyển dần sang dịch vụ. Xu hướng này thể hiện tính tích cực và tiềm năng sẽ còn rất lớn.

**5. Kết luận và hàm ý chính sách**

Từ những phân tích trên có thể rút ra những kết luận và hàm ý chính sách sau;

**5.1. Kết luận**

*Thứ nhất;* Cơ cấu ngành kinh tế cấp I của tỉnh Quảng Nam những năm qua đã có xu hướng chuyển dịch tích cực. Xu hướng này được thúc đẩy bởi sự tăng trưởng mạnh của ngành CN-XD và dịch vụ. Tuy nhiên, sự thay đổi đang chậm lại và sự suy giảm này khá nhanh và chỉ mới thể hiện về sản lượng chưa phản ánh hiệu quả; *Thứ hai;* Trong nội bộ các ngành cấp II, xu thế CDCC ngành kinh tế vẫn chủ yếu hiện những dấu hiệu tích cực theo những xu hướng chung của các nền kinh tế đang trong giai đoạn phát triển. Xu thế này được hỗ trợ bởi các ngành kinh tế mề đũa phương có nhiều lợi thế cũng như nhằm thực hiện các định hướng công nghiệp hóa nền kinh tế như sự phát triển ngành thủy sản, điện khí và thương mại. Tuy nhiên những thay đổi cơ cấu nội bộ ngành kinh tế này vẫn còn nhiều hạn chế. Sự phát triển của các ngành nội bộ nông nghiệp chưa được hỗ trợ và thúc đẩy bởi các ngành công nghiệp. Trong khi các ngành trong nội bộ công nghiệp chỉ mới ở trình độ phát triển ở giai đoạn đầu của sự phát triển ngành này. Nền kinh tế chủ yếu tập trung phát triển các ngành có trình độ công nghệ thấp, thâm dụng lao động tài nguyên và giá trị gia tăng thấp. Ngành dịch vụ chưa phát triển tương xứng với tiềm năng của nền kinh tế.

**5.2. Hàm ý chính sách**

Những đánh giá trên là cơ sở đưa ra các hàm ý chính sách cho quá trình CDCC ngành kinh tế trong thời gian tới. Cụ thể cần thực hiện các định hướng phát triển các ngành kinh tế như sau:

***Thứ nhất về phát triển ngành công nghiệp***

*Về quan điểm:* Phát triển các ngành công nghiệp có nhiều lợi thế, tập trung vào các ngành công nghiệp chế biến, chế tác, chế biến tài nguyên, nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa của tỉnh và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu

*Định hướng phát triển công nghiệp của tỉnh những năm tới* (i) Khai thác triệt để lợi thế trong nước và cơ hội quốc tế; (ii) Tham gia chủ động và hiệu quả vào mạng lưới sản xuất công nghiệp khu vực và quốc tế; (iii) Thu hút đầu tư có chọn lọc và huy động tối đa mọi nguồn lực từ các thành phần kinh tế; (iv) Phát triển các ngành, sản phẩm có giá trị gia tăng cao, giá trị xuất khẩu lớn, quy trình công nghệ hiện đại để tạo ra nền tảng quan trọng cho hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; (v) Gắn với tăng trưởng xanh, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên.

Cần thực hiện: (1) Tập trung phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên. Để phát triển các ngành công nghiệp này, cần chú trọng tới một số giải pháp chủ yếu sau đây: (i) Có định hướng hợp lý cho phát triển công nghiệp ưu tiên làm cơ sở để định hướng đầu tư phát triển ngành và điều chỉnh, bổ sung các chính sách có liên quan. (ii) Bổ sung chính sách ưu đãi đầu tư vào phát triển công nghiệp ưu tiên do

đầu tư vào ngành công nghiệp này có những khó khăn và phức tạp hơn. (iii) Trợ giúp các doanh nghiệp công nghiệp sản xuất sản phẩm ưu tiên này để giúp nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng tốt nhất yêu cầu của các ngành công nghiệp sử dụng sản phẩm của công nghiệp ưu tiên. (2) Phân bổ không gian công nghiệp hợp lý. Cần điều chỉnh phân bổ không gian công nghiệp, mục tiêu cần đảm bảo phù hợp giữa các vùng; làm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cân đối giữa các địa phương, vùng, miền. Đảm bảo mỗi ngành công nghiệp có thể khai thác tối đa lợi thế tại chỗ và tận dụng tốt nhất các đặc điểm về hạ tầng, vị trí địa lý của từng khu vực; thực hiện liên kết hiệu quả giữa các địa phương, vùng, miền. Yêu cầu của việc sắp xếp, tổ chức lại các hoạt động kinh tế trên các KCN là nâng cao tính hiệu quả với các KCN hiện nay. (3) nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, vừa sử dụng vừa đào tạo phát triển NNL đáp ứng cho yêu cầu phát triển. Gắn kết giữa cơ sở đào tạo và người sử dụng theo hướng xã hội hóa ngày càng sâu rộng.

### **Thứ hai về nông nghiệp**

**Quan điểm phát triển:** Phát triển nông nghiệp trên cơ sở tái cấu trúc ngành này theo hướng nâng cao năng suất, giá trị gia tăng và chất lượng sản phẩm

**Định hướng phát triển cần** (i) Tập trung khai thác và tận dụng tốt lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới; xây dựng và phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn theo hình thức trang trại, gia trại, khu nông nghiệp công nghệ cao; từng bước đạt các tiêu chuẩn quốc tế phổ biến về an toàn vệ sinh thực phẩm; kết nối sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm, với chuỗi giá trị toàn cầu đối với các sản phẩm có lợi thế và khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới: cà phê, cao su, hạt tiêu, hạt điều, các loại hải sản khác, các loại rau, quả nhiệt đới, đồ gỗ.... (ii) Hoàn thiện thể chế cho phát triển nông nghiệp theo định hướng thị trường; đổi mới và phát triển hệ thống quản lý và hệ thống tổ chức sản xuất, kinh doanh.

Phát triển nông nghiệp phải bảo đảm tăng thu nhập cho người sản xuất nông nghiệp trên cơ sở tạo điều kiện cho tất cả các thành phần kinh tế và giảm nghèo.

Phát triển nông nghiệp hướng tới thực hiện các mục tiêu ưu tiên về phúc lợi cho nông dân và người tiêu dùng.

Phát triển nông nghiệp phải Giảm thiểu tác động bất lợi về môi trường do việc khai thác các nguồn lực cho sản xuất nông lâm thủy sản; tăng hiệu quả quản lý và sử dụng các nguồn tài nguyên; quản lý và sử dụng hiệu quả, an toàn các loại hóa chất, thuốc trừ sâu, chất thải từ chăn nuôi, trồng trọt, công nghiệp chế biến và làng nghề; bảo tồn đa dạng sinh học;

### **Thứ ba về phát triển thương mại và dịch vụ**

**Quan điểm phát triển:** Phát triển ngành này theo hướng nâng cao giá trị gia tăng trên cơ sở phát triển các thương mại và dịch vụ cao cấp và dịch vụ hỗ trợ các ngành sản xuất của tỉnh và vùng. Cụ thể:

Tập trung phát triển các ngành thương mại và dịch vụ xuất nhập khẩu, dịch vụ thương mại; dịch vụ cung ứng vật tư, kỹ thuật; dịch vụ cung ứng giống cây trồng, vật nuôi; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ vận tải và các loại hình dịch vụ công cộng khác.

Phát triển và phối hợp hợp lý trong khai thác các loại hình du lịch: du lịch biển, thắng cảnh, du lịch văn hóa (đặc biệt là du lịch văn hóa Chăm), du lịch nghỉ ngơi giải trí.

Phát triển mạnh cơ sở hạ tầng thương mại trên phạm vi toàn tỉnh trên cơ sở phát triển các chợ và hợp tác xã thương mại - dịch vụ theo hướng cải tạo và nâng cấp các chợ hiện có ở các đô thị, thị trấn, thị tứ; đầu tư xây dựng các chợ ở nông thôn, miền núi theo cụm, vùng. Tiếp tục củng cố, sắp xếp, nâng cao hoạt động của các hợp tác xã thương mại, dịch vụ. Hình thành một số trung tâm thương mại với các chức năng sau: cảng thương mại tự do ở Kỳ Hà, Trung tâm Thương mại - Du lịch Hội An, Trung tâm Thương mại Tam Kỳ, Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang.

Riêng ngành dịch vụ phải: (i) Nâng cao vai trò và phát huy hiệu quả nhân tố con người: coi trọng công tác giáo dục - đào tạo, khuyến khích phát hiện bồi dưỡng tài năng trẻ và nhân tài; Nâng cao hiệu quả sử dụng nhân tố con người bằng chính cơ chế phân phối lợi ích, tạo động lực kích thích con người phát huy sức lực, trí tuệ cho công việc. Khai thác các thị trường lao động, đẩy mạnh việc xuất khẩu lao động; (ii) Huy động các nguồn vốn và chính sách đầu tư: xây dựng cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi khuyến khích, huy động nhân dân và các thành phần kinh tế trong xã hội tham gia vào các hoạt động đầu tư, từng bước thực hiện cơ chế đổi đất lấy cơ sở hạ tầng thương mại.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Lewis, A. W. (1954), Economic Development with Unlimited Supplies of Labour, The Manchester School, 22 (2), 1954, pp.139-191.
- [2] Hollis Chenery (1974), Redistribution with growth; policies to improve income distribution in developing countries in the context of economic growth, Oxford University Press, London, 1974. <http://www.econlib.org/library/YPDBooks/marx/mrxcpa.htm>
- [3] Bùi Tất Thắng (2006), *Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam*, Nhà Xuất bản Khoa học xã hội- 2006.
- [4] Lê Xuân Bá và các cộng sự (2006), “Các yếu tố tác động đến chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn ở Việt Nam”, Nxb Khoa học Xã hội 2006
- [5] Đào Thế Tuấn và các cộng sự (2004), “Cơ sở khoa học của vấn đề CDCKT nông nghiệp, nông thôn theo hướng CNH, HĐH ở Việt Nam trong tương lai”. Đề tài khoa học nhánh của đề tài KX 03.11-01-15.
- [6] Lê Quốc Doanh và các cộng sự (2006), “Nghiên cứu luận cứ để CDCKT nông nghiệp, nông thôn theo hướng CNH, HĐH”. Đề tài khoa học công nghệ cấp nhà nước – 2001-2005.
- [7] Vũ Tuấn Anh, Một số vấn đề lý luận về cơ cấu nền kinh tế quốc dân, *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế*, số 2/1982.
- [8] Bùi Quang Bình (2010), Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phục hồi tăng trưởng kinh tế Việt Nam, *Tạp chí Phát triển Kinh tế*, số 233 tháng 3/2010.

(BBT nhận bài: 15/11/2016, hoàn tất thủ tục phản biện: 24/11/2016)